



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CẬP NHẬT LẦN 1
LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST UPDATE

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Năng lượng Quảng Ninh**

*Laboratory: **Quang Ninh Energy Laboratory***

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty SGS Việt Nam TNHH**

*Organization: **SGS Vietnam Co., Ltd***

Số hiệu/ Code: **VILAS 237**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

*Field: **Chemical***

Người quản lý/
Laboratory manager: **Hoàng Việt Phương**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **từ ngày /11/2025 đến ngày 23/02/2027**

Địa chỉ/ Address: **198 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh**

198 Nguyen Thi Minh Khai, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city

Địa điểm/ Location: **Ô số 3, Lô-CN 11, Cụm CN Cẩm Thịnh, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh**

No. 3, Lot CN-11, Cam Thinh Industrial Cluster, Cua Ong ward, Quang Ninh province

Điện thoại/ Tel: **(+84) 2033 866 492**

E-mail: **thuong.hoang@sgs.com**

Website: **www.vn.sgs.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CẬP NHẬT LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST UPDATE***VILAS 237****Phòng thử nghiệm Năng lượng Quảng Ninh/ *Quang Ninh Energy Laboratory***Lĩnh vực: **Hóa**Field: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Than và cốc <i>Coal and coke</i>	Xác định tổng hàm lượng Carbon, Hydro và Nito Phương pháp đo máy <i>Determination of carbon, hydrogen, nitrogen content Instrumental method</i>	C: 0,34 % H: 0,20 % N: 0,11 %	(a) ISO 29541:2025
2.		Xác định giá trị toả nhiệt toàn phần Phương pháp bom đo nhiệt lượng và tính giá trị tỏa nhiệt thực <i>Determination of gross calorific value The bomb calorimetric and calculation of net calorific value method</i>	-	(a) ISO 1928:2025
3.	Than đá và cốc <i>Hard Coal and Coke</i>	Xác định tính nóng chảy của tro <i>Determination of ash fusibility</i>	-	(a) ISO 540:2025
4.	Than đá <i>Hard Coal</i>	Xác định chỉ số nở phồng <i>Determination of the crucible swelling number</i>	0 ÷ 9 index	(a) ASTM D720/D720M-25 (a) ISO 501:2025
5.	Cặn cháy than và cốc <i>Coal and Coke Combustion Residues</i>	Xác định hàm lượng lưu huỳnh Phương pháp nhiệt độ cao với phổ hồng ngoại <i>Determination of sulfur content High temperature tube furnace combustion method with infrared absorption</i>	0,026 %	(a) ASTM D5016-24
6.	Tro bay <i>Fly Ash</i>	Xác định hàm lượng mất khi nung (LOI) Phương pháp khối lượng <i>Determination of Loss on Ignition content (L.O.I) Gravimetric method</i>	-	(a) ASTM C311/C311M-25

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CẬP NHẬT LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST UPDATE***VILAS 237****Phòng thử nghiệm Năng lượng Quảng Ninh/ *Quang Ninh Energy Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
7.	Than hoạt tính <i>Activated carbon</i>	Xác định hàm lượng tro <i>Determination of total ash content</i>	-	(a) ASTM D2866-11(2025)
8.		Xác định tỷ trọng <i>Determination of apparent density</i>	-	(a) ASTM D2854-09(2025)
9.	Nhiên liệu sinh khối rắn/Sinh khối (bao gồm củi, trấu các loại, viên gỗ nén các loại) <i>Solid biomass fuel/biomass (including all type of rice husk, wood pellet)</i>	Xác định tỷ trọng <i>Determination of bulk density</i>	-	(a) ISO 17828:2025
10.		Xác định độ bền cơ học của viên nén <i>Determination of mechanical durability of pellets</i>	-	(a) ISO 17831-1:2025
11.		Xác định đường kính và độ dài <i>Determination of diameter and length</i>	-	(a) ISO 17829:2025

Ghi chú/ Notes:

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*

- ASTM: Hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*

(a): Phép thử cập nhật phương pháp trong danh mục phép thử của quyết định số 2119/QĐ-VPCNCL ngày 28/11/2023/ *Update method version tests in list of accredited test of accreditation decision no. 2119/QĐ-VPCNCL dated 28/11/2023*

Trường hợp Công ty SGS Việt Nam TNHH cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty SGS Việt Nam TNHH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the SGS Vietnam Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

